



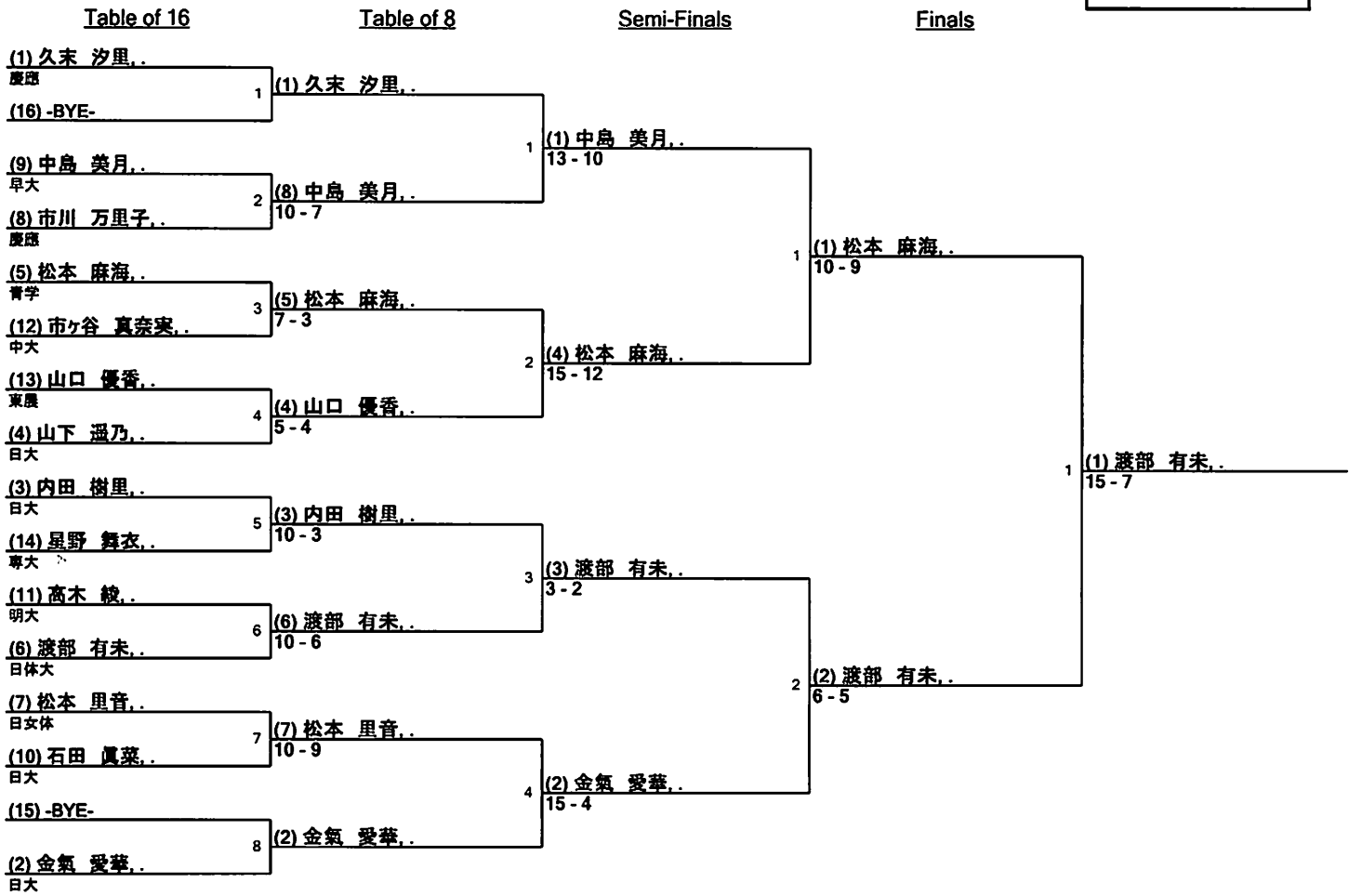
www.FencingTime.com

Women's Epee Final Ranking

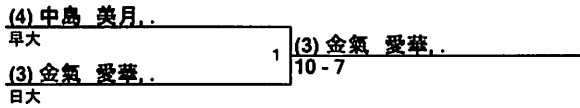
Tournament: 関東学生連盟新人戦大会
Date: 2018年9月12日 - 13:30
FIE Document: FE_FIE_0012

WE

Place	Name	Club(s)
1	渡部 有未, .	日本体育大学
2	松本 麻海, .	青山学院大学
3	金氣 愛華, .	日本大学
4	中島 美月, .	早稲田大学
5	久末 汐里, .	慶應義塾大学
6	内田 樹里, .	日本大学
7	松本 里音, .	日本女子体育大学
8	山口 優香, .	東京農業大学
9	山下 遥乃, .	日本大学
10	市川 万里子, .	慶應義塾大学
11	石田 眞菜, .	日本大学
12	高木 綾, .	明治大学
13	市ヶ谷 真奈実, .	中央大学
14	星野 舞衣, .	専修大学
15	加藤 有紗, .	法政大学
16	坂場 有華, .	明治大学
17	山本 奈央, .	学習院大学
18	佐久間 智子, .	学習院大学
19	佐藤 槇有子, .	國學院大学



Fence-off for Third





www.FencingTime.com

Women's Epee Round #1 Pool Results

WE

Tournament: 関東学生連盟新人戦大会
Date: 2018年9月12日 - 13:30
FIE Document: FE_FIE_0007

1	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
松本 里音,.	日女体	1		V5	D1	V5	V5	3	0.75	16	15	1
石田 真菜,.	日大	2	D4		D1	V5	V5	2	0.50	15	15	0
久末 汐里,.	慶應	3	V3	V5		V4	V5	4	1.00	17	5	12
佐久間 智子,.	学習院	4	D4	D2	D1		D2	0	0.00	9	18	-9
星野 舞衣,.	専大	5	D4	D3	D2	V4		1	0.25	13	17	-4

2	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
山本 奈央,.	学習院	1		D1	D4	D3	D1	0	0.00	9	17	-8
金氣 愛華,.	日大	2	V5		V3	V3	V5	4	1.00	16	5	11
渡部 有未,.	日体大	3	V5	D2		V2	V4	3	0.75	13	11	2
山口 優香,.	東農	4	V5	D2	D1		D1	1	0.25	9	10	-1
高木 綾,.	明大	5	V2	D0	D3	V2		2	0.50	7	11	-4

3	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
松本 麻海,.	青学	1		V5	V4	D3	V5	3	0.75	17	15	2
中島 美月,.	早大	2	D4		V5	D4	V5	2	0.50	18	14	4
加藤 有紗,.	法大	3	D3	D2		D2	V5	1	0.25	12	17	-5
内田 樹里,.	日大	4	V5	V5	V5		V5	4	1.00	20	10	10
佐藤 楨有子,.	國學院	5	D3	D2	D3	D1		0	0.00	9	20	-11

4	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	V	V/M	TS	TR	Ind
市川 万里子,.	慶應	1		V5	D0	V5	2	0.67	10	13	-3
市ヶ谷 真奈実,.	中大	2	D4		D3	V5	1	0.33	12	13	-1
山下 遥乃,.	日大	3	V5	V5		V5	3	1.00	15	5	10
坂場 有華,.	明大	4	D4	D3	D2		0	0.00	9	15	-6